

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2026/HS-PT
Ngày 23-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Na.

Các Thẩm phán: Bà Nông Biên Hoà; Bà Tô Thị Thuý Ngân.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký viên, Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Lục Đức Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 46/2026/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo Hà Thị C và đồng phạm theo hình thức trực tuyến, điểm cầu trung tâm tại Hội trường xét xử số 3 - Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng, điểm cầu thành phần tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng. Do có kháng cáo của bị cáo Hà Thị C, Hoàng Thị T, Nông Văn H, Hoàng Văn T, Nông Thị M, Lương Thị P, Đàm Thị H, Lục Thị N, Vũ Thị T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2026/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Hà Thị C - Sinh ngày 08 tháng 10 năm 1973 tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Nà P, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Nơi ở hiện nay: Xóm Hoà N, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004173003157, Cấp ngày 17 tháng 12 năm 2024, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Ngọc N, sinh năm 1947 và con bà: Bé Thị C (đã chết); Chồng: Bé Ích T (đã chết); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 09/9/2024 bị Công an huyện Quảng H ra Quyết định xử phạt vi

phạm hành chính số 67/QĐ-XPHC về hành vi Đánh bạc bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, đã thi hành xong ngày 09/9/2024.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 đến nay. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

2. Hoàng Thị - Sinh ngày 08 tháng 4 năm 1974 tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Đồng K, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004174005728, cấp ngày 09 tháng 5 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Viên chức (giáo viên); Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mông Văn S (đã chết) và con bà: Hoàng Thị T (đã chết); Chồng: Đàm Văn C, sinh năm 1973; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 09/9/2024 bị Công an huyện Quảng H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ-XPHC về hành vi Đánh bạc bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, đã thi hành xong ngày 09/9/2024.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 đến nay. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

3. Nông Văn H - Sinh ngày 15 tháng 9 năm 1995 tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Nà P, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004095009281 Cấp ngày 07 tháng 8 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn T, sinh năm 1964 và con bà: Lương Thị H, sinh năm 1965; Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1998; Con: Có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án: Có 02 tiền án, ngày 26/5/2016 bị Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 15/2016/HSST. Ngày 29/6/2016 bị Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 42/2016/HSST (Bản án số 42/2016/HSST tổng hợp hình phạt của bản án số 15/2016/HSST ngày 26/5/2016 bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 48 tháng tù). Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/02/2012 bị Công an huyện Q, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức Cảnh cáo. Ngày 15/12/2012 bị Công an huyện Q, tỉnh Cao Bằng

ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 81/QĐ-XPHC về hành vi Đánh nhau, hình thức phạt tiền với mức phạt 250.000 đồng, thi hành xong ngày 19/12/2012.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 đến nay. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

4. Hoàng Văn T - Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1988 tại xã T, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Bản Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004088004581 Cấp ngày 14 tháng 10 năm 2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn C, sinh năm 1961 và con bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1960; Vợ: Đàm Thị H, sinh năm 1990 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/3/2019 bị Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc bằng hình thức phạt tiền với mức phạt 1.500.000 đồng. Ngày 06/9/2023 bị Toà án nhân dân huyện Hạ L tỉnh Cao Bằng xử phạt tiền 23.000.000 đồng về tội Đánh bạc tại Bản án số 18/2023/HS-ST, hành xong ngày 05/12/2023.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 đến ngày 09/6/2026 bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác tại Phân trại tạm giam Quảng H. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

5. Nông Thị M - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại xã T, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Pác R, xã T, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004184004049, cấp ngày 10 tháng 5 năm 2024, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn P (đã chết) và con bà: Hứa Thị R (đã chết); Chồng: Phùng Văn H (đã chết); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 đến ngày 09/6/2026 bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác tại Phân trại tạm giam T. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

6. Lương Thị P – Sinh ngày 10 tháng 01 năm 1975 tại xã Đoài D, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Đông X-Phia M, xã Đoài D, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004175003892, cấp ngày 24 tháng 6 năm 2021, nơi cấp: Cục

Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương T (đã chết) và con bà: Nông Thị H, sinh năm 1933; Chồng: Hoàng Văn Đ, sinh năm 1973; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 02/QĐ-UBKTĐU ngày 26/01/2026 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã Đoài D.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 đến nay. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

7. Đàm Thị H - Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1981 tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Đồng Ân, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004181000372, cấp ngày 07 tháng 4 năm 2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đàm Văn N (đã chết) và con bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1956; Chồng: Chưa có; Con: Có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 đến nay. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

8. Lục Thị N - Sinh ngày 04 tháng 8 năm 1979 tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Tiên L, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004179006224, cấp ngày 09 tháng 5 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lục Văn K (đã chết) và con bà: Nông Thị Ph, sinh năm 1956; Chồng: Hà Đàm T, sinh năm 1977; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 đến nay. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

9. Vũ Thị T - Sinh ngày 19 tháng 6 năm 1992 tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Yên L, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004192004875, cấp ngày 09 tháng 5 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông: Vũ Văn Đ, sinh năm 1966 và con bà: Hứa Thị H, sinh năm 1967; Chồng: Mai Kiên L (đã chết); Con: Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2025 đến nay. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T: Luật sư Nông Thị H – Văn phòng Luật sư M – Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Bị cáo không có kháng cáo:

Lương Văn N - Sinh ngày 27 tháng 8 năm 1984 tại xã Bế Văn Đàn, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký thường trú: Xóm Lũng H, xã B, tỉnh Cao Bằng. Số thẻ CCCD: 004084006681, cấp ngày 20 tháng 10 năm 2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Văn Th, sinh năm 1954 và con bà: Long Thị D (đã chết); Vợ: Nông Thị L, sinh năm 1984; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/10/2025, Tổ phòng chống tội phạm Công an xã Q, tỉnh Cao Bằng thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã theo kế hoạch thì phát hiện nhà bà Hà Thị C tại xóm Hoà N, xã Q, tỉnh Cao Bằng có nhiều biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra phát hiện tại phòng ngủ cuối hành lang tầng 2 nhà bà C có 08 người gồm: Hoàng Văn T, Nông Văn H, Lương Văn N, Hoàng Thị T, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H và Vũ Thị T đang đánh bạc được thua bằng tiền trên chiếc chiếu trải giữa phòng; Có 02 người gồm Nông Thị M và Hà Thị C có mặt trong phòng. Quá trình tiến hành kiểm tra, các đối tượng thay đổi và rời khỏi vị trí ngồi đánh bạc, tẩu tán tang vật phạm tội. Tổ công tác đã yêu cầu các đối tượng chấm dứt hành vi vi phạm và giữ nguyên vị trí. Qua kiểm tra phát hiện và thu giữ tại dưới nền nhà 01 bộ bài tây 52 lá các đối tượng sử dụng để đánh bạc; Số tiền 9.100.000 đồng gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau để lộn xộn dưới khe và gầm giường phía bên trong tường bên phải theo hướng từ cửa đi vào; Số tiền 10.900.000 đồng gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau tại trong chậu nhựa màu xanh dưới gầm

giường trong phòng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong tang vật theo quy định.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 20/10/2025, Hà Thị C gọi điện thoại cho Nông Thị M để rủ đến nhà đánh bạc nhưng do đã muộn nên M không đến, sau đó M rủ T ngày hôm sau đến nhà C để đánh bạc. Sau khi gọi điện cho M thì C tiếp tục dùng điện thoại nhắn tin cho Lương Văn N để rủ đánh bạc, N đồng ý nhưng hôm sau mới đến. Cùng trong tối ngày 20/10/2025, Nông Văn H gọi điện thoại cho C để hỏi có ai đánh bạc không để tham gia cùng nhưng không có ai nên sáng hôm sau H đến nhà C để đánh bạc. Khoảng 07 giờ sáng ngày 21/10/2025, M và Hoàng Văn T đến nhà của Hà Thị C. Sau đó có Hoàng Thị T đến nhà C để trả tiền đã vay trước đó cho C, một lúc sau thì H cũng đến nhà C, mọi người nói chuyện với nhau một lúc rồi cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền. Sau khi thống nhất, C đưa cho T 01 bộ bài tây 52 lá, rồi M, T, T, H lên phòng ngủ cuối hành lang tầng 2 nhà C để đánh bạc. Vì biết M và T có quan hệ tình cảm nên mọi người chỉ cho M và T thay nhau chơi một cửa, ban đầu có 03 người tham gia đánh bạc gồm M, T và H. T mang theo 10.000.000 đồng để trả nợ cho C nhưng chưa trả nên đã dùng toàn bộ số tiền trên để tham gia đánh bạc. M và T cùng góp tiền với nhau, T mang theo số tiền khoảng 5.000.000 đồng, M mang theo khoảng 4.000.000 đồng để đánh bạc. H mang theo số tiền khoảng 7.000.000 đồng để tham gia đánh bạc.

Các bị cáo thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi “Liêng”, luật chơi như sau: Sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài từ A đến K để chơi. Khi bắt đầu chơi, một người dùng bộ bài trộn đều rồi đặt úp xuống, mỗi người sẽ chọn 01 quân bài rồi lật ra để so sánh, ai có quân bài lớn hơn thì được quyền chia bài. Trước khi chia bài, mỗi người phải đặt xuống chiếu 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), gọi là “tiền gà”. Sau đó người chia bài sẽ chia cho mỗi người 03 quân bài úp kín, còn lại bộ bài để ở giữa (không dùng đến). Sau khi tự xem bài xong thì lượt từ người chia bài sẽ tố hoặc bỏ bài ngược chiều kim đồng hồ, mỗi lần tố người chơi đó sẽ đặt thêm tiền tối thiểu là 100.000đ (một trăm nghìn đồng) hoặc hơn theo cấp số nhân, không giới hạn mức tố cao nhất, người chơi “theo” sẽ phải đặt cược số tiền tương đương hoặc hơn hoặc bỏ bài. Sau quá trình tố thì lật 03 quân bài ra ai to hơn thì người đấy thắng. Việc tính to nhỏ được thống nhất như sau: Lớn nhất là “sáp” tức là ba quân bài giống nhau cùng bộ, khác chất, nếu nhiều người cùng có bài “sáp” thì “sáp” to thắng “sáp” nhỏ; Lớn thứ hai là “liêng” tức là có 03 quân liên tiếp nhau, có thể cùng chất hoặc không cùng chất, nếu nhiều người cùng có “liêng” thì “liêng” to thắng “liêng” nhỏ. Lớn thứ ba là “Đồng hoa” tức là ba quân bài đều cùng chất. Cuối cùng là tính điểm, tổng điểm tính đến 9 (theo quy định cộng tổng điểm của 03 quân bài lại rồi trừ đi 0 hoặc 10 hoặc 20, quân bài có hình tính bằng 0 điểm,

quân A đến 9 tính bằng 1 đến 9 điểm), bài nào điểm to thì thắng. Nếu những người chơi cùng điểm thì phải so sánh chất theo thứ tự là: cơ, rô, nhép, pích. Bài của ai lớn nhất thì thắng và được thu hết tiền của những người chơi khác và có quyền chia bài ván sau. Quá trình đánh bạc, tùy mỗi người nếu ai thắng được “sáp” hoặc “đồng hoa” thì trích lại cho C từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng để trả tiền bài, phục vụ bánh ngọt, nước uống, tiền điện... Nếu C có mặt trong phòng thì ai thắng sẽ trực tiếp đưa tiền cho C, nếu C không có mặt ở phòng thì để tiền ở cạnh chiếu bạc sau đó đưa cho C.

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày thì có thêm Lục Thị N đến nhà C để đánh bạc, khi N đến có mang theo số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) với mục đích để đánh bạc, sau đó thua hết N chuyển khoản cho N 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để lấy tiền mặt tiếp tục đánh bạc. Khi N đến tham gia đánh bạc thì M mệt nên T vào thay để tiếp tục đánh bạc. Quá trình đánh bạc thắng nên M cất số tiền 7.000.000 đồng vào trong người, còn lại số tiền hơn 1.000.000 đồng thì M để lại ở chiếu bạc cho T tiếp tục đánh bạc, còn M thì lên giường đi ngủ tại ngay trong phòng. Được một lúc sau thì có Lương Thị P đến tham gia đánh bạc cùng do trước đó C gọi điện rủ P đến nhà tham gia đánh bạc. P có mang theo trong người số tiền 1.300.000 đồng để đánh bạc và thua hết, sau đó P có chuyển vào tài khoản của N số tiền 5.000.000 đồng để đổi lấy tiền mặt tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Đàm Thị H sau khi ăn sáng xong thì đến nhà C để chơi và có nghe tiếng ồn ào ở trên tầng 2 nên đi lên xem. Khi vào phòng thấy mọi người đang đánh bạc bằng hình thức chơi liêng thì cũng vào tham gia. H sử dụng số tiền 1.100.000 đồng để đánh bạc. Đến khoảng 11 giờ 30 phút thì Lương Văn N đến để tham gia đánh bạc (do tối hôm trước Nguyễn và C có nhắn tin với nhau, C rủ N đến nhà C tham gia đánh bạc nên Nguyễn biết mọi người đánh bạc tại nhà C). N mang theo số tiền 6.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày thì có thêm Vũ Thị T đến tham gia đánh bạc (do trước đó có nhắn tin với H và trên đường đi gặp N thì nói chuyện biết được N đến nhà C nên T biết là mọi người đang đánh bạc tại nhà của C). T có mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Tất cả mọi người ngồi thành vòng quay tròn với nhau, trước khi cơ quan công an vào bắt quả tang thì có 08 người đang tham gia đánh bạc gồm: Hoàng Văn T, Hoàng Thị T, Nông Văn H, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H, Lương Văn N và Vũ Thị T. Còn Hà Thị C quá trình mọi người đánh bạc C không tham gia chơi, chỉ ngồi xem mọi người đánh bạc. Nông Thị M nằm ngủ trên giường, do trước đó đã để T vào chơi thay mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2026/HS - ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 Cao Bằng đã quyết định:

Về tội danh và hình phạt: Bị cáo Hà Thị C phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Nông Thị M, Hoàng Văn T, Hoàng Thị T, Nông Văn H, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H, Lương Văn N và Vũ Thị T phạm tội Đánh bạc.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Xử phạt: Hà Thị C 01 năm 03 tháng tù giam. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Xử phạt: Nông Văn H 01 năm 06 tháng tù giam. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Xử phạt: Hoàng Văn T 01 năm tù giam. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Xử phạt: Hoàng Thị T 09 tháng tù giam. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Xử phạt: Nông Thị M, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H và Vũ Thị T mỗi bị cáo 09 tháng tù giam. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Xử phạt: Lương Văn N 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 322; Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Hà Thị C phải nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); buộc các bị cáo Nông Thị M, Hoàng Văn T, Hoàng Thị T, Nông Văn H, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H, Lương Văn N và Vũ Thị T mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bị cáo Lương Văn N không kháng cáo; các bị cáo kháng cáo và kèm các tài liệu, giấy tờ sau:

Ngày 07/4/2026 bị cáo Hà Thị C kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận về việc chấp hành pháp luật (không có dấu xác nhận của chính quyền địa phương), 01 biên lai thu tiền số 0000278 ngày 08/4/2026 số tiền 200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000279 ngày 08/4/2026 số tiền 700.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Ngày 07/4/2026 bị cáo Nông Văn H kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, không nộp kèm các tài liệu.

Ngày 09/4/2026 bị cáo Hoàng Văn T kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo hoặc hình phạt tiền, nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận về việc chấp hành pháp luật (không có dấu xác nhận của chính quyền địa P), 01 đơn xin xác nhận gia đình hoàn cảnh không có người chăm sóc thay thế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng, 01 giấy khai sinh của con gái, 01 biên lai thu tiền số 0000248 ngày 03/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Ngày 07/4/2026 bị cáo Hoàng Thị T kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận về việc chấp hành pháp luật (không có dấu xác nhận của chính quyền địa P), 01 biên lai thu tiền số 0000277 ngày 07/4/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0001656 ngày 30/3/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000250 ngày 03/4/2026 số tiền 200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Ngày 07/4/2026 bị cáo Lương Thị P kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận nhân thân, 01 biên lai thu tiền số 0001657 ngày 30/3/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000247 ngày 03/4/2026 số tiền 200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000256 ngày 06/4/2026 số tiền 6.300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Ngày 08/4/2026 bị cáo Nông Thị M kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo hoặc phạt tiền, nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận nhân thân (không có xác nhận của chính quyền địa phương), 01 bản sao chứng thực Huy chương kháng chiến hạng Nhất của ông Nông Văn P (bố đẻ), 01 bản sai giấy khai sinh của Nông Thị M, 01 đơn xin xác nhận gia đình hoàn cảnh không có người chăm sóc thay thế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng, 01 Giấy khai sinh con trai, 01 trích lục khai tử của ông Phùng Văn H (chồng), 01 xác nhận thông tin về cư trú, 01 biên lai thu tiền số 0000249 ngày 03/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Ngày 08/4/2026 bị cáo Đàm Thị H kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, nộp kèm các tài liệu: đơn xác nhận về việc chấp hành pháp luật, đơn xin xác nhận về gia đình hoàn cảnh không có người chăm sóc, thay thế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng, 01 biên lai thu tiền số 0000258 ngày 06/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000259 ngày 06/4/2026 số tiền 1.100.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Ngày 08/4/2026 bị cáo Lục Thị N kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận về việc chấp hành nghĩa vụ tại nơi cư trú có dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q, 01 biên lai thu tiền số 0000260 ngày 06/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000287 ngày 09/4/2026 số tiền 8.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Ngày 06/4/2026 bị cáo Vũ Thị T kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình, đơn xin xác nhận là thân nhân liệt sĩ, đơn xác nhận về việc chấp hành pháp luật và đóng góp cho địa phương, đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng, trích lục khai tử của Mai Kiên L (chồng), Giấy khai sinh của con gái, xác nhận thông tin nơi cư trú, 01 biên lai thu tiền số 0000244 ngày 02/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng nộp 5.200.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Các bị cáo Nông Thị M và Hoàng Văn T tự nguyện rút đơn kháng cáo tại phiên tòa.

Các bị cáo Hà Thị C, Nông Văn H, Hoàng Thị T, Lương Thị P, Đàm Thị H, Lục Thị N, Vũ Thị T đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu, các bị cáo không có ý kiến bổ sung. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho

các bị cáo Hà Thị C, Nông Văn H, Hoàng Thị T, Lương Thị P, Đàm Thị H, Lục Thị N, Vũ Thị T được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án nhận định: Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, qua xem xét hồ sơ vụ án, các tình tiết cung cấp trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, qua tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm d khoản 1 Điều 355, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nông Thị M, Hoàng Văn T.

- Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Thị C, Nông Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng về hình phạt đối với hai bị cáo này.

- Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Hoàng Thị T, Lương Thị P, Đàm Thị H, Lục Thị N, Vũ Thị T, sửa một phần bản án số 21//2026/HS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng về hình phạt theo hướng giữ nguyên các căn cứ pháp luật đã áp dụng theo bản án sơ thẩm nhưng cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Các quyết định khác không có kháng cáo do đó không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các bị cáo Hà Thị C, Nông Văn H, Hoàng Thị T, Đàm Thị H, Lương Thị P, Lục Thị N, Vũ Thị T xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T trình bày: Về tội danh, nhất trí với bản án sơ thẩm đã tuyên. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình, hoàn cảnh gia đình của bị cáo một mình nuôi con còn nhỏ, chồng đã chết. Do đó, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Vũ Thị T nhất trí với người bào chữa.

Các bị cáo đề nghị được hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị được xem xét theo nguyện vọng đã trình bày tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về đơn kháng cáo:

Các bị cáo đều có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định, do đó đơn kháng cáo của các bị cáo đều hợp lệ.

Tại phiên toà, bị cáo Nông Thị M tự nguyện rút yêu cầu người bào chữa, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo Nông Thị M, Hoàng Văn T: Tại phiên toà các bị cáo đã rút toàn bộ đơn kháng cáo, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo, Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với hai bị cáo này.

[2]. Hành vi phạm tội và xét kháng cáo của bị cáo

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung biên bản khám xét cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xác định được: Ngày 21/10/2025, Hà Thị C đã có hành vi gọi điện, nhắn tin để rủ rê, chuẩn bị công cụ (bộ bài) và địa điểm cho các bị cáo Nông Thị M, Hoàng Văn T, Hoàng Thị T, Nông Văn H, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H, Lương Văn N và Vũ Thị T tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Liêng” tại nhà ở của C thuộc xóm Hoà N, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Hà Thị C thu lợi bất chính số tiền 700.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của C là 46.900.000 đồng (trong đó, thu giữ được trên chiếu bạc là 20.000.000 đồng và thu trên người các bị cáo xác định sẽ dùng đánh bạc là 26.900.000 đồng).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng và ảnh hưởng đến kinh tế của nhiều cá nhân, gia đình. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi mình thực hiện, nhưng vì muốn có tiền một cách nhanh chóng nên đã cố ý thực hiện. Đồng thời đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Hà Thị C về tội Tổ chức đánh bạc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố Nông Thị M, Hoàng Văn T, Hoàng Thị T, Nông Văn H, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H, Lương Văn N và Vũ Thị T về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Hà Thị C: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về các nội dung: Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về nhân thân, bị cáo đã bị xử phạt vi

phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mặc dù đã được xóa tiền sự nhưng qua đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo chưa tốt. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000278 ngày 08/4/2026 số tiền 200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000279 ngày 08/4/2026 số tiền 700.000 đồng tại thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Bị cáo giải thích đây là tiền bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền do phạm tội mà có. Tuy nhiên qua xem xét, số tiền 700.000 đồng không nằm trong tổng số tiền 46.900.000 đồng bị thu giữ nên không phải tình tiết giảm nhẹ, do đó bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về đơn xin xác nhận về việc chấp hành pháp luật không có dấu xác nhận của chính quyền địa phương nên không được xem xét.

Đối với bị cáo Nông Văn H: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá nhận định đúng các nội dung sau: Bị cáo đã 02 lần bị kết án cùng về tội Trộm cắp tài sản, cả hai bản án đều chấp hành xong án phạt tù vào ngày 03/10/2019 và đều chưa thi hành trách nhiệm bồi thường dân sự. Do đó, bị cáo chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về nhân thân: Bị cáo đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính (về hành vi Trộm cắp tài sản và hành vi đánh nhau). Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không nộp tài liệu mới, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Đối với bị cáo Hoàng Thị T: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá đúng các nội dung: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Không có tình tiết năng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nộp: 01 biên lai thu tiền số 0000277 ngày 07/4/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0001656

ngày 30/3/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000250 ngày 03/4/2026 số tiền 200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng là tiền bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm, tiền phạt bổ sung.

Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về đơn xin xác nhận về việc chấp hành pháp luật không có dấu xác nhận của chính quyền địa P Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Đối với bị cáo Lương Thị P: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá đúng các nội dung: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Không có tình tiết năng nặng trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định.

Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Lương Thị P nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận nhân thân, 01 biên lai thu tiền số 0001657 ngày 30/3/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000247 ngày 03/4/2026 số tiền 200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000256 ngày 06/4/2026 số tiền 6.300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng là tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung đã tuyên theo bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đàm Thị H: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá đúng các nội dung: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Không có tình tiết năng nặng trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định.

Trong giai đoạn phúc thẩm: Bị cáo nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận về việc chấp hành pháp luật, đơn xin xác nhận về gia đình hoàn cảnh không có người chăm sóc, thay thế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng, 01 biên lai thu tiền số 0000258 ngày 06/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000259 ngày 06/4/2026 số tiền 1.100.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng là tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung đã tuyên theo bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lục Thị N: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá đúng các nội dung: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Không có tình tiết năng nặng trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định.

Trong giai đoạn phúc thẩm, nộp kèm các tài liệu: Đơn xin xác nhận về việc chấp hành nghĩa vụ tại nơi cư trú có dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q, 01 biên lai thu tiền số 0000260 ngày 06/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000287 ngày 09/4/2026 số tiền 8.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng là tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung đã tuyên theo bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Vũ Thị T: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá đúng các nội dung: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Không có tình tiết nặng nề trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định.

Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo nộp kèm các tài liệu: Đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình, đơn xin xác nhận là thân nhân liệt sĩ, đơn xác nhận về việc chấp hành pháp luật và đóng góp cho địa phương, đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng, trích lục khai tử của Mai Kiên L (chồng), Giấy khai sinh của con gái, xác nhận thông tin nơi cư trú, 01 biên lai thu tiền số 0000244 ngày 02/4/2026 nộp 5.200.000 đồng, và 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000035 ngày 17/7/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng là tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung đã tuyên theo bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt đối với các bị cáo kháng cáo:

Đối với bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị M: Khi đình chỉ xét xử phúc thẩm, hình phạt đối với các bị cáo sẽ được giữ nguyên theo Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đối với bị cáo Hà Thị C: Bị cáo tạo điều kiện vật chất để các bị cáo khác đánh bạc tại nhà riêng của bị cáo. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về tội tổ chức đánh bạc và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo Nông Văn H: Bị cáo có tình tiết tăng nặng “tái phạm” nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 01 năm 06 tháng tù là tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo Hoàng Thị T: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù là tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, căn cứ thái độ thành khẩn, hành vi phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và công việc hiện tại của bị cáo là giáo viên, có những đóng góp trong sự nghiệp

giáo dục được ghi nhận và hoàn cảnh gia đình của bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định của Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao ngày 10/7/2025 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xét thấy, không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cho bị cáo cơ hội sửa chữa những lỗi lầm, tự cải tạo bản thân thành người có ích nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển hình phạt tù sang phạt tù cho hưởng án treo.

- *Đối với các bị cáo Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H và Vũ Thị T:* Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo đã nộp hình phạt bổ sung, thể hiện sự ăn năn hối hận, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định của Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao ngày 10/7/2025 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xét thấy, không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo đã nộp khoản hình phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm đã tuyên, cụ thể từng người như sau:

- Bị cáo Hoàng Văn T: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000248 ngày 03/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng tại thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Hoàng Thị T: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nộp: 01 biên lai thu tiền số 0000277 ngày 07/4/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0001656 ngày 30/3/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000250 ngày 03/4/2026 số tiền 200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí

hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lương Thị P nộp kèm các tài liệu: đơn xin xác nhận nhân thân, 01 biên lai thu tiền số 0001657 ngày 30/3/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000247 ngày 03/4/2026 số tiền 200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000256 ngày 06/4/2026 số tiền 6.300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nông Thị M: nộp 01 biên lai thu tiền số 0000249 ngày 03/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đàm Thị H: Nộp 01 biên lai thu tiền số 0000258 ngày 06/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000259 ngày 06/4/2026 số tiền 1.100.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lục Thị N: Nộp 01 biên lai thu tiền số 0000260 ngày 06/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000287 ngày 09/4/2026 số tiền 8.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Vũ Thị T: Nộp số tiền 5.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000244 ngày 02/4/2026 và 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000035 ngày 17/7/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các khoản tiền đã nộp được khấu trừ nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án, số tiền nộp còn thừa sẽ được trả lại cho các bị cáo.

Đối với các bị cáo Nông Thị M, Hoàng Văn T: Tuy các bị cáo đã rút đơn kháng cáo, tuy nhiên trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Hoàng Văn T đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000248 ngày 03/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và bị cáo Nông Thị M nộp 01 biên lai thu tiền số 0000249 ngày 03/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng là tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung đã tuyên theo bản án sơ thẩm, sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án.

Đối với bị cáo Hà Thị C: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000278 ngày 08/4/2026 số tiền 200.000 đồng là tiền án phí sơ thẩm và sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án. Đối với số tiền 700.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000279 ngày 08/4/2026 tại Thi hành án dân

sự tỉnh Cao Bằng, số tiền 700.000 đồng tiền thu lợi đã được tịch thu cùng tang vật trong tổng số tiền 46.900.000 đồng bị thu giữ, do đó số tiền 700.000 đồng sẽ được trả lại cho bị cáo nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Đơn kháng cáo của các bị cáo Hà Thị C, Nông Văn H không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị M rút đơn kháng cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đơn kháng cáo của các bị cáo Hoàng Thị T, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H và Vũ Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356, Điều 357, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nông Thị M, Hoàng Văn T trong vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 46 /2026/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026 về tội Đánh bạc. Hình phạt đối với các bị cáo Nông Thị M, Hoàng Văn T theo Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2026/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng có hiệu lực kể từ ngày Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Thị C, Nông Văn H, giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Hà Thị C, Nông Văn H theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2026/HS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng, cụ thể:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Xử phạt: Hà Thị C 01 năm 03 tháng tù giam. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Xử phạt: Nông Văn H 01 năm 06 tháng tù giam. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/10/2025 đến ngày 30/10/2025.

3. Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Hoàng Thị T, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H và Vũ Thị T. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2026/HS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng về phần hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Thị T, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H, Vũ Thị T. Cụ thể:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Xử phạt: Hoàng Thị T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Xử phạt: Lục Thị N 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Xử phạt: Lương Thị P 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đoài D, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Xử phạt: Đàm Thị H 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Xử phạt: Vũ Thị T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về hình phạt bổ sung, số tiền bị cáo đã nộp và số tiền trả lại: Xác nhận các bị cáo đã nộp khoản tiền án phí, tiền phạt bổ sung sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án, gồm có:

- Bị cáo Hà Thị C: Bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000278 ngày 08/4/2026 số tiền 200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng là tiền án phí hình sự sơ thẩm. Trả lại bị cáo Hà Thị C số tiền 700.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000279 ngày 08/4/2026 tại thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo Hoàng Văn T: Bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000248 ngày 03/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Hoàng Thị T: Bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000277 ngày 07/4/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0001656 ngày 30/3/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000250 ngày 03/4/2026 số tiền 200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm. Trả lại bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

- Bị cáo Lương Thị P: Bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0001657 ngày 30/3/2026 số tiền 10.000.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000247 ngày 03/4/2026 số tiền 200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000256 ngày 06/4/2026 số tiền 6.300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm. Trả lại bị cáo số tiền 6.300.000 đồng.

- Bị cáo Nông Thị M: Bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000249 ngày 03/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đàm Thị H: Bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000258 ngày 06/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000259 ngày 06/4/2026 số tiền 1.100.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm. Trả lại bị cáo số tiền 1.100.000 đồng.

- Bị cáo Lục Thị N: Bị cáo đã nộp 01 biên lai thu tiền số 0000260 ngày 06/4/2026 số tiền 10.200.000 đồng, 01 biên lai thu tiền số 0000287 ngày 09/4/2026 số tiền 8.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó

10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm. Trả lại bị cáo số tiền 8.000.000 đồng.

- Bị cáo Vũ Thị T: Bị cáo đã nộp số tiền 5.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000244 ngày 02/4/2026 và 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000035 ngày 17/7/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Trong đó 10.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về án phí:

Các bị cáo Hà Thị C, Nông Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị M, Hoàng Thị T, Lục Thị N, Lương Thị P, Đàm Thị H và Vũ Thị T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- TAND khu vực 2 – Cao Bằng;
- VKSND khu vực 2 – Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cao Bằng;
- Phòng GDKT, TT, KT&THA;
- Bị cáo; NBC;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na